

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2022

V/v: Ly hôn M - T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Dũng

Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 14/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Ma Thị M, sinh năm 1991** (có mặt)

ĐKNKTT: Xóm KN, xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Thôn BM, xã NH, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: **Anh Hứa Văn T, sinh năm 1987** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT tại: Xóm KN, xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ma Thị M trình bày: tôi và chồng là Hứa Văn T kết hôn năm 2009 đăng ký kết hôn tại UBND xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo

phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Hứa Ngọc H, sinh ngày 01/7/2010 và Hứa Duy Th sinh ngày 19/11/2013 hiện con chung đang ở với tôi và ông bà ngoại. Vợ chồng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung và không có tài sản cho ai vay.

Lý do xin ly hôn: Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi về ở với ông bà ngoại tại Tuyên Quang, sau đó một thời gian thì chúng tôi chuyển về xóm KN, xã PX, huyện ĐT sinh sống và ở trên đất nhà chồng. Hoàn cảnh gia đình chồng tôi khó khăn, bố chồng tôi mất sớm còn mẹ chồng đã xây dựng gia đình riêng ở Trung Quốc. Quá trình chung sống, anh T không tu chí làm ăn, một thời gian anh T có đi làm vàng ở các tỉnh nhưng không gửi tiền về cho tôi nuôi con. Khoảng năm 2019, tôi thấy anh T có sinh hoạt bất bình thường và có nhiều biểu hiện của việc sử dụng ma túy nhưng tôi không dám hỏi trực tiếp anh T về chuyện này. Đến khoảng tháng 4 năm 2021 anh T đi làm thuê ở tỉnh Hòa Bình thì bị công an bắt giữ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Tôi xác định không còn tình cảm với anh T và xin được ly hôn. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh T góp phí tổn nuôi con, tôi đã chuyển hộ khẩu của các con về tỉnh Tuyên Quang với ông bà ngoại từ tháng 6 năm 2020, hiện các cháu đã theo học ổn định tại tỉnh Tuyên Quang. Chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai vay tiền nên không đề nghị tòa án giải quyết về vấn đề này, đề nghị Tòa án giải quyết để tôi sớm ổn định cuộc sống yên tâm nuôi dưỡng các con.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn là anh Hứa Văn T đang đi thi hành án nên tòa án đã đề nghị Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa tiến hành lấy lời khai và tổng đạt các văn bản tố tụng của tòa án cho anh T. Anh T trình bày như sau:

Tôi và chị Ma Thị M đăng ký vào khoảng tháng 10/2009 tại UBND xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn tôi và chị M được tự do tìm hiểu nhau không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về sống tại xóm KN, xã PX, huyện ĐT. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến ngày tôi vi phạm pháp luật ngày 06/4/2021. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tôi chơi bời nghiện ma túy không nghe theo người thân khuyên bảo. Nay chị Ma Thị M làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung tôi và chị M có 02 con chung là Hứa Ngọc H, sinh ngày 01/7/2010 và Hứa Duy Th sinh ngày 19/11/2013, nếu phải ly hôn tôi đề nghị tòa án giải quyết quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung tôi và chị M tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Nay tôi đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Thanh Cẩm nên không thể có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án theo quy định, đề nghị tòa án cho tôi được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng của vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị M xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như lời khai tại biên bản lấy lời khai, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T; chị M có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu tòa án giải quyết; chị xác định hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không cho ai vay nợ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại xóm KN, xã PX, huyện DT và Công an xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, địa phương xác nhận vợ chồng anh T, chị M đã có mâu thuẫn từ lâu, anh T hiện đang vắng mặt tại địa phương do đang phải chấp hành án phạt tù, hai con của chị M đã chuyển khẩu về nhà ông bà ngoại là ông Ma Văn Ch, bà Hà Thị Nh tại thôn BM, xã NH, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 25/6/2020.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và hội đồng xét xử: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ma Thị M, chị M được ly hôn với anh Hứa Văn T.

Về con chung: Giao cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hứa Ngọc H, sinh ngày 01/7/2010 và Hứa Duy Th sinh ngày 19/11/2013 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết vì chị M không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại xóm KN, xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Hứa Văn T vắng mặt, tuy nhiên anh T có đơn xin được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị M kết hôn với anh Hứa Văn T năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị M xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con và nghiện ma túy. Sau đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách đến tháng 4/2021 thì anh T bị công an bắt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị M và anh T không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M, cho chị được ly hôn với anh Hứa Văn T là phù hợp.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Hứa Ngọc H, sinh ngày 01/7/2010 và Hứa Duy Th sinh ngày 19/11/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu H và cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ, chị M có nguyện vọng được nuôi con, anh T hiện đang đi thi hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, nên chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Hân và cháu Thuận cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị M và anh T xác định hai bên không có tài sản chung, nợ chung và không cho ai vay nợ. Đồng thời các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 143, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ma Thị M, cho chị M được ly hôn anh Hứa Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Ma Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hứa Ngọc H, sinh ngày 01/7/2010 và Hứa Duy Th sinh ngày 19/11/2013 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí. Chị Ma Thị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang - Biên lai số 0003833, ngày 21/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị M, vắng mặt anh T. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thúy Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Quỳnh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 250/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Ma Thị M, sinh năm 1991** - có mặt

ĐKNKTT: Xóm Khuôn Ngàn, xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bản Mèo, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: **Anh Hứa Văn T, sinh năm 1987** – vắng mặt có lý do

HKTT tại: Xóm Khuôn Ngàn, xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU.**

1. Về áp dụng điều luật: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ pháp luật phải giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ma Thị M, cho chị M được ly hôn anh Hứa Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hứa Ngọc Hân, sinh ngày 01/7/2010 và Hứa Duy Thuận sinh ngày 19/11/2013 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí. Chị M phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang - Biên lai số **0003833**, ngày **21/12/2021** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị M, vắng mặt anh T. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt./.

Kết quả biểu quyết: 3/3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Quỳnh

